**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN T**
**TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:…/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25/01/2021
Về việc: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Trường**.**
*Các Hội thẩm nhân dân**:***
1. Bà Trần Thị Xuân Tiên
2. Ông Tô Đình Trị
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*: Bà Phan Thị Thành - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 245/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc: "Xin ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa sô: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/1/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Hoàng D, sinh năm 1996 (Có mặt).
Trú tại: Tổ 29, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.
*Bị đơn:* Anh Dương Văn N – sinh năm 1993 (Vắng mặt không có lý do).
Trú tại: Thôn 3, xã B, huyện T, Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Đặng Thị Hoàng D trình bày:*

Tôi và Anh Dương Văn N tự tìm hiểu và kết hôn năm 2018 có đăng ký tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vả, xô xát nhau, sự việc này có hai bên gia đình can thiệp hòa giải nhưng cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn hạnh phúc. Vợ chồng tôi đã sống ly thân khoảng 07 tháng, tôi về nhà mẹ đẻ ở Đà Nẵng sinh sống, còn anh N thì sống tại xã B, huyện T, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay tôi thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên xin ly hôn với Anh Dương Văn N.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Dương Phú L – sinh ngày 31/3/2019, Nguyện vọng của tôi là xin nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và Anh Dương Văn N không có tài sản chung nên đề nghị HĐXX không xét.

Về nợ chung: Tôi và Anh Dương Văn N không có nợ chung nên đề nghị HĐXX không xét.

** Theo bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Anh Dương Văn N trình bày:* Về thời gian, điều kện kết hôn tôi đồng ý với lời trình bày của chị D.Tôi thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, do chị D đi làm không quan tâm đến con nhỏ, vợ chồng tôi sống ly thân khoảng gần 07 tháng, trong thời gian sống ly thân chị D không về thăm con. Nay cuộc sống vợ chồng tôi không còn hạnh phúc chị D xin ly hôn thì tôi thống nhất ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Dương Phú L – sinh ngày 31/3/2019. Khi tôi và chị D sống ly thân thì chị D về nhà mẹ đẻ của chị D ở Đà Nẵng sinh sống không quan tâm gì đến con, một mình tôi nuôi dưỡng con, nên tôi có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và Chị Đặng Thị Hoàng D không có tài sản chung nên đề nghị HĐXX không xét.

Về nợ chung: Tôi và Chị Đặng Thị Hoàng D không có nợ chung nên đề nghị HĐXX không xét.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Đặng Thị Hoàng D và Anh Dương Văn N.

Về con chung: Xử giao cho Chị Đặng Thị Hoàng D nuôi con Dương Phú L – sinh ngày 31/3/2019 đến 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị Hoàng D không yêu cầu Anh Dương Văn N cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung: Chị D và anh N khai không có tài sản chung nên đề nghị HĐXX không xét.

Về nợ chung: Chị D và anh N khai không có nợ chung nên đề nghị HĐXX không xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định:*

*Về thủ tục tố tụng:* Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn Anh Dương Văn N cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Anh Dương Văn N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh N.

*Về nội dung vụ án:* Chị Đặng Thị Hoàng D và Anh Dương Văn N tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, như vậy hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp, luôn bất đồng về quan điểm và cách sống nên vợ chồng thường xuyên cải vả xúc phạm lẫn nhau. Chị D, anh N đã sống ly thân được khoảng 07 tháng, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong quá trình tòa án hòa giải thì chị D, anh N thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đều xin được thuận tình ly hôn. Việc xin thuận tình ly hôn của chị D, anh N là tự nguyện phù hợp với Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nên xét công nhận.

*Về con chung:* Chị D, anh N có 01 con chung tên là Dương Phú L – sinh ngày 31/3/2019, chị D có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị D và anh N thì thấy: Chị D, anh N đều có công việc, thu nhập và chổ ở ổn định nên việc chị D, anh N đều có nguyện vọng xin nuôi con là chính đáng. Khi mâu thuẫn xảy ra thì chị D về nhà cha mẹ ở Đà Nẵng sinh sống, khi chị D đi thì gia đình anh N ngăn cản không cho chị D đem con về nuôi dưỡng. Hiên nay cháu Dương Phú L – sinh ngày 31/3/2019 cho đến ngày xét xử gần 22 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định *"Con dưới 36 tháng được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận phù hợp với lợi ích của con"*. Do đó, nguyện vọng của chị D xin nuôi con Dương Phú L – sinh ngày 31/3/2019 đến 18 tuổi trưởng thành là có căn cứ. Do vậy, xét giao cho Chị Đặng Thị Hoàng D nuôi con Dương Phú L – sinh ngày 31/3/2019 đến 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật HN&GĐ Việt Nam.

*Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:* Chị Đặng Thị Hoàng D không yêu cầu cấp Anh Dương Văn N dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Chị Đặng Thị Hoàng D và Anh Dương Văn N khai không có nên HĐXX không xét.

*Về nợ chung:* Chị Đặng Thị Hoàng D và Anh Dương Văn N khai không có nên HĐXX không xét.

*Án phí LHST:* 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng y)* xét buộc Chị Đặng Thị Hoàng D phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu số 0005639 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51; Điều 55, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

**1/ Về quan hệ vợ chồng:** Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Đặng Thị Hoàng D và Anh Dương Văn N.

**2/ Về con chung:** Xử giao cho Chị Đặng Thị Hoàng D nuôi con Dương Phú L – sinh ngày 31/3/2019 đến 18 tuổi trưởng thành.

**Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị Đặng Thị Hoàng D không yêu cầu Anh Dương Văn N cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

**3/ Về tài sản chung:** Chị D và anh N khai không có tài sản chung nên đề nghị HĐXX không xét.

**4/ Về nợ chung:** Chị D và anh N khai không có nợ chung nên đề nghị HĐXX không xét.

**5. Án phí LHST:** 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng y)* xét buộc Chị Đặng Thị Hoàng D phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí LHST 300.000 đồng chị D

đã nộp theo biên lai thu số 0005639 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa**
(đã ký tên, đóng dấu)

**Nguyễn Công Trường**